TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trọng Lâm** và ông **Trịnh Ngọc Thành.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị T,** sinh năm 1974

2- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn V,** sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp PM1, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2020 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn V tự nguyện kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông V ghen tuông vô cớ, xúc phạm bà. Từ tháng 8/2020 bà về nhà mẹ ruột ở xã Phú Bình, huyện Tân Phú ở cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn, để ổn định cuộc sống riêng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 04 (bốn) con chung Đoàn Công T, sinh ngày 26/4/1998; Đoàn Thị Mỹ N, sinh ngày 15/8/1993; Đoàn Thị Trà M, sinh ngày

04/8/2009; Đoàn Thị Kim H, sinh ngày 28/6/2003. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu M, H; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay do công việc của bà không ổn định, nên bà đồng ý giao hai cháu M, H cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà chưa cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T, N đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của ông V tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2020 như sau:

Ông và bà T tự nguyện kết hôn năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Ông thừa nhận vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì mâu thuẫn, lúc này bà T khởi kiện ly hôn ông. Nguyên nhân do bà T thường hay cờ bạc, sống không chung thủy, không chăm lo cho gia đình, ông đã nhiều lần khuyên can nhưng bà không thay đổi. Từ tháng 08/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, bà T đã về nhà mẹ ở xã Phú Bình sinh sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì bản thân ông không có lỗi lầm gì dẫn đến phải ly hôn.

Vợ chồng có có 04 (bốn) con chung Đoàn Công T, sinh ngày 26/4/1998; Đoàn Thị Mỹ N, sinh ngày 15/8/1993; Đoàn Thị Trà M, sinh ngày 04/8/2009; Đoàn Thị Kim H, sinh ngày 28/6/2003. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu M, H; ông không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Công việc chính của ông làm thợ khoan giếng, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 20.000.000đồng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng các con. Đối với các cháu T, N đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các điều 40, 43, 44, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Đoàn Văn V; giao hai cháu Đoàn Thị Trà M, sinh ngày 04/8/2009; Đoàn Thị Kim H, sinh ngày 28/6/2003 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn có nơi cư trú tại xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Trên cơ sở lời khai các đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng là đúng sự thật. Nguyên nhân 01 phần do bà T không quan tâm chăm lo cho gia đình. Vợ chồng hay ghen tuông, không còn tin tưởng nhau. Từ tháng 08/2020 cho đến ngày xét xử, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông V cung cấp lời khai cho rằng bản thân không có lỗi làm cho vợ chồng mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Bà T không mong muốn đoàn tụ, đề nghị được ly hôn và có đơn đề nghị không hòa giải. Ông V đã được tòa án tống đạt thông báo phiên họp, phiên tòa nhưng không tham gia, điều đó chứng tỏ giữa vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, các bên không có nguyện vọng, ý định đoàn tụ để vợ chồng về sống chung với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 04 (bốn) con chung Đoàn Công T, sinh ngày 26/4/1998; Đoàn Thị Mỹ N, sinh ngày 15/8/1993; Đoàn Thị Trà M, sinh ngày 04/8/2009; Đoàn Thị Kim H, sinh ngày 28/6/2003. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên là M, H cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng, bởi bản thân bà hiện nay không có việc làm và thu nhập ổn định, không đủ điều kiện nuôi dưỡng các con. Ông V có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu M, H và có đầy đủ điều kiện để nuôi con.

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân

sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Mặc dù các cháu M, H cùng có nguyện vọng muốn sống cùng bà T, tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng trước hết căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên đương sự. Sự thỏa thuận của bà T, ông V về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đầy đủ các điều kiện được chăm sóc của các con. Để đảm bảo điều kiện ăn học, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần cho các con cần thiết giao cháu M, H cho ông V nuôi dưỡng. Do ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nên không xem xét.

Đối với con chung Đoàn Công T, sinh ngày 26/4/1998; Đoàn Thị Mỹ N, sinh ngày 15/8/1993 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 40, 43, 44, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đoàn Văn V.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Đoàn Thị Trà M, sinh ngày 04/8/2009; Đoàn Thị Kim H, sinh ngày 28/6/2003 cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông V không yêu cầu. Đối với các cháu Đoàn Công T, sinh ngày

26/4/1998; Đoàn Thị Mỹ N, sinh ngày 15/8/1993 hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Bà T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003673 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn ngày 04/5/1996);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh